

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:91/2021/HC-ST

Ngày: 30/3/2021

*“V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H N**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lê Na**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thúy** và Ông **Ngô Tiến Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Công Hách** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Hồng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 và ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 106/2020/HCST ngày 31/3/2020 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HC ngày 04/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HC ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ dân phố Y N, phường L M, quận B T L, H N. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà N:

- Ông **Nguyễn Phan H** – Sinh năm 1951.

Địa chỉ: Tổ dân phố T6, phường T T, quận B T L, thành phố H N. *Có mặt.*

- Bà **Nguyễn Thị G** – Sinh năm 1993

Địa chỉ: Xã C Q, huyện H Đ, thành phố H N. *Có mặt.*

Người bị kiện:

- **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H N**

Địa chỉ: Số 79 Đ T H, phường L T T, quận H K, H N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trọng Đ** – Phó Chủ tịch.
Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân quận **B T L**

Địa chỉ: Lô C, Phố V T D, phường M K, quận B T L, H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Ngọc H** - Chủ tịch UBND quận. *Vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Quang T** – Tổ trưởng tổ giải phóng mặt bằng thuộc trung tâm phát triển quỹ đất. *Vắng mặt.*

- Chủ tịch UBND quận **B T L**

Địa chỉ: Lô C, Phố V T D, phường M K, quận B T L, H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Ngọc H - Chủ tịch UBND quận.
Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND phường **L M**

Địa chỉ: Phường L M, quận B T L, H N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Mạnh H** – Sinh năm 1975

Chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường L M. *Vắng mặt.*

- Hợp tác xã **Y N**.

Địa chỉ: Số 101/1 đường L M, Tổ dân phố Y N 3, phường L M, quận B T L, H N. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Chiến** – Giám đốc.
Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn V**

- Ông **Nguyễn Văn H**

- Ông **Nguyễn Văn M**

- Bà **Phạm Thị H1**

Địa chỉ: Tổ dân phố Y N 2, phường L M, quận B T L, H N. *Đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai tại Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1981, gia đình bà N được HTX Y N giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cấy lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sông cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Y N) với diện tích: 1268 m². Năm 2000, gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1091 m². Diện tích còn lại 177m² đất nông nghiệp cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình bà sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B T L ra Quyết định số 1341/QĐ-UBND thu hồi 89,5m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất 531(b), tờ bản đồ số 16 của gia đình bà để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học H N trên địa bàn phường L M. Cùng ngày gia đình bà nhận được Quyết định số 1412/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường là: **38.102.658 đồng**. Số tiền này gia đình bà đến nay chưa nhận.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nên bà đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND quận B T L, thành phố H N.

Ngày 29/7/2016, gia đình bà nhận được Quyết định số 3105/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà. Nội dung quyết định này là giữ nguyên Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L, gia đình đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H N.

Ngày 05/7/2019, sau gần 3 năm, gia đình bà mới nhận được Quyết định số 6882/QĐ-UBND đề ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại của gia đình bà. Nội dung quyết định này là đồng ý Quyết định 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết khiếu nại của gia đình bà.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H N là không đúng với văn bản số 3599/UBND-ĐCNN ngày 09/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H N.

Bà N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H N:

Căn cứ điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 điều 12 quyết định 10/2017 của UBND thành phố H N, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H N hủy các Quyết định:

+ Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

+ Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu

+ Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần hai

Yêu cầu UBND quận B T L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà N số tiền **121.355.739 đồng** (*Một trăm hai mươi một nghìn ba trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*).

Tại phiên tòa bà N xác nhận diện tích đất bị thu hồi hiện nay gia đình bà không canh tác, giữ nguyên hiện trạng trong suốt quá trình sử dụng đất, không chuyển nhượng cho ai.

Quan điểm của UBND thành phố H N:

Đại diện của UBND thành phố H N giữ nguyên quan điểm đối với vụ án được nêu tại văn bản số 5556/UBND-GPMB ngày 30/11/2020.

Cụ thể: Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, chủ tịch UBND thành phố H N khẳng định nội dung Quyết định 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật. Đến nay, chủ tịch UBND thành phố H N không có ý kiến gì khác với quan điểm đã thể hiện tại quyết định nêu trên.

Quan điểm của Chủ tịch UBND quận B T L và UBND quận B T L:

Diện tích 89,5m² đất do hộ gia đình ông V, bà N đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B T L ban hành Quyết định số 1341/QĐ-UBND về việc thu hồi 89,5m² đất nông nghiệp không giao và Quyết định số 1412/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn V (N) đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B T L đã ban hành Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Văn V (N) tại dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học H N là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND quận B T L (năm 2016) đối với các hộ gia đình, cá nhân tại khu S C thì chưa có Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai. Việc bồi thường, hỗ trợ về đất đối với các hộ gia đình, cá nhân được thực hiện theo Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Các quy định tại khoản 1 Điều 20; điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và quy định tại Mục 6 điều 4 Nghị định số 01/2017/NNĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ xác định đối tượng điều chỉnh tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP là hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán đất của các nông, lâm trường quốc doanh. Do nguồn gốc đất các hộ gia đình cá nhân sử dụng tại khu S C bị thu hồi là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L M quản lý, các hộ gia đình cá nhân sử dụng trước ngày 01/7/2004, không đủ điều kiện tính hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo điểm d khoản 1 Điều 19, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất bị thu hồi; trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì UBND cấp tỉnh xem xét hỗ trợ cho phù hợp với thực tế của địa phương; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”*.

Do đó, UBND quận B T L không đủ thẩm quyền để áp dụng hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất theo Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đối với các hộ gia đình bị thu hồi đất khu S C tại dự án Xây dựng khu công nghệ sinh học H N, phường L M quận B T L.

UBND quận B T L chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân theo các Quyết định của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) do các hộ gia đình, cá nhân không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của UBND quận B T L, tiếp tục có đơn khiếu nại (lần 2) gửi UBND thành phố H N và khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố H N. Đến nay do vụ việc đang trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố H N thụ lý và giải quyết nên sau khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án và được UBND thành phố H N gia hạn thời gian giải phóng mặt bằng, bố trí nguồn vốn của dự án, UBND quận B T L sẽ tiến hành giao Hội đồng BTHT&TĐC dự án thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Pháp luật.

Căn cứ quy định pháp luật và từ những phân tích, tổng hợp nêu trên cũng như người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản không cung cấp thêm bất cứ giấy tờ,

tài liệu nào khác. Do vậy, UBND quận B T L và Chủ tịch UBND quận B T L giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn V (N), địa chỉ Tổ dân phố Y N, phường L M, B T L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L M, quận B T L.

UBND quận B T L kiến nghị Tòa án Nhân dân thành phố H N xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của UBND phường L M:

- Trên cơ sở phương án giao đất nông nghiệp tổng thể đã được các cấp phê duyệt, UBND xã L M (nay là Phường L M) lập phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho từng hộ gia đình, cá nhân, theo từng Hợp tác xã. Đối với HTX Y N giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân tính theo bình quân nhân khẩu trong hộ là 258 m²/khẩu.

- Khi thực hiện việc giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân không được đưa vào trong phương án giao đất chi tiết để cân đối giao cho các hộ gia đình, cá nhân.

- Về hiện trạng diện tích đất bị thu hồi của các hộ gia đình, cá nhân:

Hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất để trồng rau, hành, hoa hồng, hoa cúc và cau vua.

- Khi xác nhận nguồn gốc đất cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới GPMB dự án Khu công nghệ cao sinh học H N, UBND phường L M căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu tại UBND phường (Bản đồ và sổ mục kê đất năm 1994, Phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ lập năm 1999 và hiện trạng các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng).

- Trên địa bàn phường L M có 03 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học H N loại đất tương tự được hỗ trợ X 05 lần giá đất, gồm: Hộ ông Hoàng Văn Mùi, hộ bà Nguyễn Thị Bình, Hộ ông Nguyễn Văn Anh (Loan).

Quan điểm của Hợp tác xã Y N:

Căn cứ hồ sơ tài liệu còn lưu giữ tại HTX Y N về việc quản lý sử dụng diện tích đất sản xuất của các hộ gia đình cá nhân trong HTX Hợp tác xã Y N có ý kiến như sau:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị N được HTX Y N giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu S C từ thời điểm khoán 100 năm 1981 theo chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về việc cải tiến hình thức giao khoán mở rộng đến từng hộ gia đình cá nhân. Đến năm 1988, khi thực hiện hình thức khoán 10 theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thì diện tích sản

xuất của hộ bà Nguyễn Thị N vẫn không thay đổi mà chỉ thay đổi sản lượng giao khoán.

Năm 1999, khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ thì địa phương (hội đồng giao đất xã) chỉ lập phương án cân đối trên giấy tờ chứ không giữ ra giao lại trong đó chỉ cân đối đất lúa hai vụ còn đất trồng màu gồm khu S C và đất bãi ngoài đê trung ương giữ nguyên không đưa vào cân đối. Chính vì vậy toàn bộ diện tích các hộ đang sử dụng gần như không có xáo trộn gì và hầu như người dân không quan tâm đến việc có được cấp giấy chứng nhận hay không vì họ vẫn sản xuất ổn định bình thường, vẫn giao nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX từ năm 1981 đến nay.

Vì vậy, HTX Y N xác nhận hộ bà Nguyễn Thị N vẫn sản xuất ổn định trên tổng diện tích được giao từ năm 1981 trong đó có phần diện tích khu S C thuộc vị trí thu hồi thực hiện dự án khu Công nghệ cao sinh học H N. Thực hiện đóng, nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước và hợp tác xã. Đề nghị Tòa án xem xét theo đúng Luật đất đai hiện hành.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H1 trình bày: Mọi nội dung trong đơn khởi kiện các ông bà hoàn toàn đồng ý như bà Nguyễn Thị N đã gửi Tòa án nhân dân thành phố H N và xin được vắng mặt ở tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H N. Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật TTHC, Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016.

Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần hai là các quyết định hành chính bị kiện và quyết định giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Người khởi kiện xuất trình tài liệu là danh sách công dân kèm theo biên bản bàn giao ngày 05/7/2019, trong đó có tên hộ bà N nhận Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần 2, trong đó ghi rõ ngày bưu điện chuyển hoàn ngày 19/12/2016. Do vậy, Tòa án xác định ngày bà N nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là ngày 05/7/2019. Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đề ngày 22/11/2019, được gửi đến Tòa án nhân dân thành phố H N ngày 22/11/2019 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/3/2020 yêu cầu hủy Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần hai là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thẩm quyền:

Ngày 31/3/2020, Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Người bị kiện trong vụ án được xác định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B T L, Ủy ban nhân dân quận B T L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H N theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Khi xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B T L về việc

thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị N để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học H N.

Tại phiên tòa, những người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật tổ tụng hành chính.

II. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

1. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định hành chính bị kiện:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính bị kiện: UBND quận B T L ban hành Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị N để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học H N và Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chủ tịch UBND quận B T L ban hành Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Chủ tịch UBND thành phố H N ban hành Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

2. Về nội dung quyết định:

+ Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học H N và Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất thuộc khu xứ đồng S C không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị C (là mẹ của ông Nguyễn Văn V) tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã L M (nay là UBND phường L M), hộ gia đình bà Nguyễn Thị C có 04 nhân khẩu, được giao 1.032m² đất nông nghiệp, hộ gia đình hiện đang sử dụng 1.368m² đất. Trên thực tế hộ gia đình bà Chi đã được cấp GCN-QSD: 1.091m² đất nông nghiệp (gồm thửa 145A, tờ bản đồ 15, diện tích 396m², thửa 189, tờ bản đồ 08, diện tích 375m² và thửa

200, tờ bản đồ 08, diện tích 320m²), so với hạn mức nhân khẩu trong phương án giao đất thừa 59m².

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn V (là con trai bà Nguyễn Thị C) không thực hiện việc kê khai đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng S C và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã L M, UBND huyện T L trước đây. Do Hội đồng giao đất nông nghiệp xã L M không lập phương án giao đất tại khu xứ đồng S C và hộ gia đình ông V, bà N không kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện T L trước đây không xem xét việc giao đất, cấp GCN QSDĐ cho hộ gia đình ông V, bà N đang sử dụng đất tại khu vực này. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn V (Nguyên) vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại Khu S C từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay. UBND xã L M, UBND huyện T L trước đây không thực hiện việc thu hồi đất lại diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn V (Nguyên) tại khu xứ đồng S C để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Diện tích 89,5m² đất thuộc thửa đất số 531A, tờ bản đồ số 16 (Bản đồ đo năm 1994 xã L M nay là phường L M) do hộ gia đình ông V, bà N đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L M quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự đều thống nhất với việc xác định nguồn gốc đất và xác định diện tích đất nông nghiệp này không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP. Do vậy, UBND quận B T L ban hành Quyết định số **1341/QĐ-UBND** về việc thu hồi đất nông nghiệp và Quyết định số **1412/QĐ-UBND** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị N là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Trong bản tự khai của UBND phường L M và phần trình bày tại phiên tòa của người khởi kiện có nội dung: có một số hộ đã được chấp nhận bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được Tòa án nhân dân thành phố H N xét xử sơ thẩm năm 2017. Tuy nhiên ngày 28/9/2020, Tòa án nhân cấp cao tại H N ban hành Quyết định giám đốc thẩm hủy toàn bộ các bản án sơ thẩm trên để xét xử lại theo thẩm quyền.

Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình bà N bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực từ ngày 03/3/2017). Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của*

pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình bà N không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp.

Về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ:

Bà N yêu cầu bồi thường, hỗ trợ bổ sung chi phí Hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề: 90.216.000 đồng; Tài sản trên đất: **121.355.739** đồng (*Một trăm hai mươi một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*).

Tại phiên tòa người khởi kiện hoàn toàn nhất trí với việc thống kê các tài sản trên đất và sau khi có quyết định thu hồi đất gia đình bà không can thiệp trên đất và trong quá trình giải quyết vụ án bà cũng thống nhất đề nghị Tòa án không tiến hành thẩm định do không còn tài sản gì trên diện tích đất bị thu hồi.

Trong Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị N đã đồng ý phê duyệt bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ ông V, bà N theo hướng: Bồi thường 100 % đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, đến nay gia đình bà Vẫn chưa nhận được quyết định phê duyệt bổ sung nên bà N vẫn yêu cầu Tòa án xem xét.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc ban hành quyết định 1341/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về việc thu hồi đất tại phường L M để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học H N là đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện hoàn toàn nhất trí đối với quyết định thu hồi đất.

- Đối với nội dung Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phê duyệt tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông V, bà N là 38.102.658 đồng đối với các tài sản được thống kê tại biên bản điều tra xác minh về đất thu hồi và tài sản trên đất ngày 18/5/2008 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND huyện T L. Không phê duyệt đối với kinh phí hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề.

Nội dung này được sửa đổi trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo hướng: Áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H N để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng.

Tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày đến nay vẫn chưa được phê duyệt bổ sung đối với nội dung này.

Tại lời khai bổ sung UBND quận B T L trình bày: UBND quận B T L chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân theo các Quyết định của Chủ tịch UBND quận B T L về

việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) do các hộ gia đình, cá nhân không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của UBND quận B T L, tiếp tục có đơn khiếu nại (lần 2) gửi UBND thành phố H N và khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố H N. Đến nay do vụ việc đang trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố H N thụ lý và giải quyết nên sau khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án và được UBND thành phố H N gia hạn thời gian giải phóng mặt bằng, bố trí nguồn vốn của dự án, UBND quận B T L sẽ tiến hành giao Hội đồng BTHT&TĐC dự án thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu này đã được giải quyết trong Quyết định giải quyết khiếu nại, đúng với quy định pháp luật. Kiến nghị UBND quận B T L tiến hành phê duyệt bổ sung để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện theo đúng quy định.

+ Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần 2:

Chủ tịch UBND quận B T L giải quyết khiếu nại lần đầu theo hướng:

“- Giữ nguyên Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn V (Nguyên) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L M, quận B T L.

- Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn V (Nguyên) theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.”

Bà Nguyễn Thị N (vợ ông Nguyễn Văn V) không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B T L tại Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 và tiếp tục có đơn khiếu nại (lần hai) gửi Chủ tịch UBND thành phố H N.

Ngày 15/12/2016, Chủ tịch UBND thành phố H N đã ban hành Quyết định số 6882/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Tổ dân phố Y N, phường L M, quận B T L (lần hai).

Theo đó, Chủ tịch UBND thành phố H N giải quyết khiếu nại theo hướng: *“Đồng ý Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N (ở tổ dân phố Y N, phường L M, quận B T L) về việc không áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông*

nghiệp) khi Nhà nước thu hồi 89,5m² đất nông nghiệp hộ gia đình bà Nguyễn Thị N đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng khu công nghệ cao sinh học H N tại phường L M, quận B T L”.

Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 6882/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần 2 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Khoản 1,3 Điều 9; khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác các yêu cầu khởi kiện sau của bà Nguyễn Thị N:

+ Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B T L về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

+ Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B T L về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu

+ Quyết định số 6882/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố H N về việc giải quyết khiếu nại lần hai

Yêu cầu UBND quận B T L ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà N số tiền **121.355.739 đồng** (*Một trăm hai mươi một nghìn ba trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng*).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Ghi nhận bà N đã nộp xong tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0020034 ngày 10/3/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố H N.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS ND TP H N;
- Các đương sự;
- Cục THADS TP H N;
- Lưu: VT, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lê Na